

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành chăn nuôi
theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững
tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015 - 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 984/QĐ-BNN-CN ngày 09 tháng 5 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-BNN-CN ngày 09 tháng 5 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Đề án “Tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 216/TTr-SNN ngày 25 tháng 5 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015 - 2020, với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Tái cơ cấu ngành chăn nuôi dựa trên quan điểm tái cơ cấu ngành nông nghiệp (Kế hoạch hành động thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Trà Vinh), phù hợp với định hướng Quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi, các khu vực phát triển chăn nuôi tập trung và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và Quy hoạch tổng thể của ngành nông nghiệp và phát triển

nông thôn. Nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm; tăng sức cạnh tranh gắn với việc bảo vệ môi trường sinh thái, phát huy lợi thế so sánh của địa phương.

- Thực hiện tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo cơ chế thị trường nhưng vẫn đảm bảo các mục tiêu cơ bản về phúc lợi cho người chăn nuôi, người tiêu dùng; nâng cao chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm; tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Phát triển chăn nuôi là nhiệm vụ lâu dài cùng với các lĩnh vực khác trong ngành nông nghiệp, tạo việc làm góp phần tăng thu nhập, ổn định đời sống của người chăn nuôi.

- Nâng cao vai trò quản lý nhà nước về lĩnh vực chăn nuôi, thú y; tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của các thành phần kinh tế; tập trung hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và chuyển giao khoa học, công nghệ, phát triển thị trường, cơ sở hạ tầng phục vụ chăn nuôi, cung cấp thông tin, dịch vụ; đẩy mạnh kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với Quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi, các khu vực phát triển chăn nuôi tập trung và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và Kế hoạch hành động thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Trà Vinh; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất chăn nuôi nhằm tăng năng suất, chất lượng, an toàn dịch bệnh, phát triển bền vững, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ lợi ích cho người chăn nuôi và sức khỏe cộng đồng.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Tăng trưởng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi lên 6 - 7% giai đoạn 2015 - 2020. Đưa tỷ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi trong ngành nông nghiệp lên 30%. Quy mô đàn bò 200 ngàn con, đàn heo 500 ngàn con, đàn dê 15 ngàn con, đàn gia cầm 6,6 triệu con, tổng sản lượng thịt hơi các loại đạt 140 ngàn tấn, sản lượng trứng các loại khoảng 2,5 triệu quả.

- Đẩy mạnh chăn nuôi trang trại trong các vùng phát triển chăn nuôi tập trung: Tỷ lệ đàn heo chăn nuôi trang trại từ 20% trở lên; tỷ lệ đàn gà nuôi trang trại chiếm 25% trở lên.

- Ưu tiên phát triển chăn nuôi tập trung (trang trại, công nghiệp) các đối tượng vật nuôi chính là heo, gà và bò tại 07 huyện: Càng Long, Châu Thành, Cầu Kè, Tiểu Cần, Cầu Ngang, Trà Cú và Duyên Hải, với quy mô đàn bò 25.200 con, đàn heo 146.500 con và đàn gà 2.079.500 con.

- Nghề giết mổ, chế biến sản phẩm từ thịt, tăng sản lượng khoảng 10% đến năm 2020.

II. NỘI DUNG TÁI CƠ CẤU NGÀNH CHĂN NUÔI

1. Tái cơ cấu sản xuất chăn nuôi theo vùng: Triển khai thực hiện tốt Quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi, các khu vực chăn nuôi, giết mổ tập trung tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 (Quyết định 671/QĐ-UBND ngày 21/4/2010 và Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định 671/QĐ-UBND ngày 21/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Đàn bò: Tập trung phát triển mạnh tại các huyện Cầu Ngang, Trà Cú và Châu Thành; nuôi tập trung trang trại chiếm 20% đến năm 2020.

- Đàn heo: Phát triển mạnh tại các huyện Cầu Kè, Tiểu Cần và Càng Long; tỷ lệ nuôi tập trung trang trại chiếm 50% đến năm 2020.

- Đàn dê: Chủ yếu phát triển tại huyện Duyên Hải, Cầu Ngang và Trà Cú.

- Đàn gia cầm: Phát triển các huyện Trà Cú, Càng Long và Cầu Kè; đến năm 2020 tỷ lệ nuôi tập trung trang trại là 50% đến năm 2020.

- Mở rộng mô hình chăn nuôi tập trung an toàn sinh học, xử lý ô nhiễm môi trường, kiểm soát dịch bệnh. Tập trung thực hiện tốt công tác giống và chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật tiến bộ mới trong chăn nuôi. Khuyến khích thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng các khu giết mổ tập trung.

2. Tái cơ cấu loại vật nuôi: Chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng các loài nuôi có giá trị kinh tế, dễ tiêu thụ, thị trường ổn định để nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi, đảm bảo ngành chăn nuôi phát triển ổn định. Tái cơ cấu đối với một số loài nuôi chủ yếu như sau:

- Loại vật nuôi:

+ Sản lượng thịt heo hơi năm 2014 chiếm 75,06%, thịt gia cầm chiếm 15,64% và thịt trâu, bò chiếm 9,14%. Năm 2020, cơ cấu thịt heo hơi xuất chuồng chiếm 82%, giảm tỷ trọng thịt gia cầm còn 12% và thịt trâu, bò là 6%.

+ Phát triển các loại vật nuôi khác có tiềm năng về thị trường, như: Dê, thỏ...

- Về cơ cấu sản xuất từng loại vật nuôi:

+ Chăn nuôi bò và dê: Phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên, thị trường tiêu thụ; khuyến khích phát triển hình thức trang trại gắn với trồng cỏ để bảo đảm nguồn thức ăn; ưu tiên đầu tư công tác cải tạo giống nâng cao tầm vóc, chất lượng. Phần đầu đến năm 2020, 100% bò nuôi trong tỉnh được lai máu nhóm Zebu hoặc lai giống chuyên thịt chất lượng cao và 40% đàn dê được nâng cao tầm vóc theo hướng chuyên thịt.

+ Chăn nuôi heo: Phát triển theo phương thức nuôi trang trại tập trung gắn với an toàn dịch bệnh; chú ý giải pháp xử lý triệt để các nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; cải tiến, nâng cao chất lượng đàn giống trên cơ sở mở rộng

mạng lưới thụ tinh nhân tạo tại địa phương. Nâng cao chất lượng, năng suất đàn heo (hiện nay 100% đàn heo là giống ngoại và lai) bằng các giống mới như: Landrace, Yorkshire, Duroc, Pietrain và heo lai nhiều nhóm máu.

+ Chăn nuôi gia cầm: Phát triển đàn gà, đàn vịt chuyên thịt và lấy trứng, ưu tiên phát triển đàn gia cầm theo mô hình trang trại, hướng chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; chú ý phát triển các giống địa phương gà, vịt thịt chất lượng cao.

Hàng năm đào tạo dẫn tinh viên, hỗ trợ tinh bò, tinh heo cho chăn nuôi nông hộ. Chọn lọc thuần giống gia súc, gia cầm phù hợp với địa phương.

3. Tái cơ cấu phương thức sản xuất: Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào chăn nuôi theo hướng tập trung, quy mô lớn; hỗ trợ chăn nuôi nông hộ theo hình thức công nghiệp, áp dụng kỹ thuật phù hợp nhằm tăng năng suất, hạn chế dịch bệnh và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Đối với chăn nuôi thâm canh, trang trại tập trung:

+ Giống: Sử dụng giống năng suất, chất lượng cao, tạo ra khối lượng hàng hóa lớn, đồng nhất sản phẩm: Đối với heo sử dụng đực Duroc, Pietrain, PiDu, ... tạo con lai 3 máu ngoại, tỷ lệ nạc trong thân thịt cao; chỉ sử dụng 1 - 2 công thức lai để đồng nhất sản phẩm; đối với bò dùng tinh của bò thịt cao sản (Red Angus, BBB, Brahman, Drought Master) tạo bò thịt chất lượng cao 3/4 máu ngoại; tăng cường công tác chọn lọc, lai tạo đối với gia cầm.

+ Công nghệ nuôi: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới về chuồng trại (chuồng lạnh, chuồng kín...), tăng năng suất, giảm thiểu dịch bệnh. Từng bước thực hiện quy trình thực hành chăn nuôi tốt đối với heo thịt, gà (VietGAP) nhằm đảm bảo năng suất, chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Thức ăn: Sử dụng thức ăn công nghiệp, áp dụng công nghệ vi sinh (EM) trong thức ăn, tăng tỷ lệ tiêu hóa thức ăn, an toàn vệ sinh thực phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Môi trường: Sử dụng quy trình, công nghệ mới trong xử lý chất thải chăn nuôi: Biogas, Biogas Composite, công nghệ sinh học (EM), công nghệ vật liệu mới... đảm bảo đúng quy định về bảo vệ môi trường (tại Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

+ Thú y: Chẩn đoán xét nghiệm thú y, kịp thời chẩn đoán nhanh, chính xác các loại dịch bệnh; xây dựng biểu đồ dịch tễ học để theo dõi, dự báo kịp thời và giám sát tiêm phòng các loại vắc xin phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi.

+ Giết mổ, chế biến sản phẩm: Kêu gọi đầu tư xây dựng các cơ sở giết mổ tập trung, cơ sở chế biến nhỏ, thủ công áp dụng quy trình, thiết bị chế biến hợp vệ sinh, an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Đối với chăn nuôi gia trại, nông hộ

+ Sử dụng giống lai, giống địa phương có giá trị kinh tế cao tạo thương hiệu sản phẩm đặc trưng như: Bò lai Zêbu, giống gà, vịt địa phương ...

+ Công nghệ nuôi: Áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, khép kín, cùng vào - cùng ra; áp dụng các yếu tố chăn nuôi công nghiệp vào chăn nuôi gia trại, nông hộ như: Chuồng lồng, chuồng sàn, máng ăn, máng uống tự động...

+ Thức ăn: Khuyến khích áp dụng kỹ thuật tự phối chế thức ăn theo công thức nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nguyên liệu có sẵn (lúa, gạo, bắp,...), giảm chi phí, giá thành sản phẩm chăn nuôi. Áp dụng kỹ thuật bảo quản, chế biến nâng cao giá trị sử dụng các phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp làm thức ăn.

+ Môi trường: Xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh, có hố ủ; sử dụng chế phẩm sinh học (EM) để xử lý chất thải, khử mùi hôi trong chuồng trại. Ứng dụng đệm lót sinh học với chăn nuôi heo thịt, gà ...; sử dụng Biogas với quy mô từ 05 - 10 con heo, đảm bảo đúng quy định về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Thú y: Hàng năm chủ động xây dựng kế hoạch phòng, chống, dự báo, cảnh báo dịch bệnh; chiến lược, chương trình phòng, chống và thanh toán dịch bệnh. Xây dựng các vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh. Nâng cao năng lực chẩn đoán nhằm phát hiện nhanh, chính xác mầm bệnh; chủ động xác định sự lưu hành của vi rút cúm gia cầm, lở mồm long móng gia súc, cảnh báo và thực hiện các biện pháp khống chế dịch phù hợp.

+ Giết mổ, chế biến sản phẩm: Kêu gọi đầu tư xây dựng các cơ sở giết mổ tập trung, cơ sở chế biến nhỏ, thủ công áp dụng quy trình, thiết bị chế biến hợp vệ sinh, an toàn vệ sinh thực phẩm.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến và quán triệt chủ trương, nội dung Kế hoạch hành động thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Trà Vinh, trong đó nhấn mạnh tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, lồng ghép trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, khuyến nông, hội nghị và sinh hoạt chuyên đề đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị, cán bộ chuyên môn, quản lý nhà nước các cấp, các doanh nghiệp và người nông dân nhằm từng bước thay đổi tư duy, tập quán sản xuất nhỏ lẻ, tự phát sang phát triển sản xuất chăn nuôi theo hướng tập trung hàng hóa quy mô lớn, gắn việc phát triển vật nuôi chủ lực theo hướng đặc sản, tạo thương hiệu, tổ chức lại sản xuất kết nối thị trường tiêu thụ.

2. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch và tăng cường quản lý, giám sát nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với quy hoạch

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi và vùng chăn nuôi, giết mổ tập trung tỉnh Trà Vinh đến năm 2020; rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời những điểm chưa phù hợp của quy hoạch nhằm sát với thực tế sản xuất chăn nuôi, phù hợp với định hướng phát triển các vật nuôi chủ lực, gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch kinh tế - xã hội, phát huy lợi thế của từng địa phương.

- Quy hoạch vùng sản xuất nguyên liệu theo mô hình cánh đồng lớn: chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả sang trồng cây nguyên liệu (trồng ngô, khoai mì ...) để cung ứng cho các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi. Khảo nghiệm, từng bước mở rộng một số giống cây thức ăn năng suất, chất lượng cao, giống có ưu thế lai thích hợp với điều kiện sản xuất của địa phương và áp dụng quy trình canh tác thâm canh để tăng thêm nguồn thức ăn phục vụ chăn nuôi.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện các quy hoạch chăn nuôi tại địa phương; kết hợp hài hòa giữa quy hoạch địa phương, quy hoạch ngành và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ, công tác thú y và khuyến nông trong sản xuất chăn nuôi

a) Ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác giống, cung cấp cho người nuôi con giống chất lượng tốt, sạch bệnh, năng suất thịt, trứng cao; thời gian nuôi ngắn, hệ số quay vòng chuồng nuôi nhanh, tiêu tốn ít thức ăn, nhằm tăng sức cạnh tranh với nhiều sản phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao và nghiêm ngặt của xã hội, trong đó:

+ Tiếp tục duy trì và mở rộng phạm vi chương trình nâng cao tầm vóc đàn bò theo hướng zebu hoá và sử dụng đực giống tốt đã qua chọn lọc cho nhân giống tại những nơi chưa có điều kiện thực hiện thụ tinh nhân tạo.

+ Nhập nội các giống vật nuôi có năng suất, chất lượng cao; bên cạnh đó, xây dựng và sử dụng các công thức lai phù hợp với điều kiện sản xuất của tỉnh để cung cấp sản phẩm giống đồng nhất cho nhu cầu sản xuất chăn nuôi của tỉnh.

+ Ứng dụng các tiến bộ công nghệ về gene để bảo tồn và phát triển giống vật nuôi có đặc tính tốt tại địa phương.

- Nghiên cứu dinh dưỡng, các công thức và sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp sử dụng nguồn nguyên liệu sẵn có, nguyên liệu mới của địa phương (thóc, rơm, phụ phẩm nông nghiệp...).

- Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ về vật liệu mới, vi sinh để xử lý chất thải chăn nuôi bằng công trình khí sinh học Biogas hoặc bằng đệm lót sinh học.

- Khuyến cáo và hỗ trợ mở rộng ứng dụng các mô hình chăn nuôi kết hợp xử lý chất thải chăn nuôi tiên tiến, hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Phát triển các mô hình chăn nuôi an toàn, mô hình thực hành chăn nuôi tốt.

- Ứng dụng khoa học công nghệ thông tin, tin học hóa vào quản lý giống vật nuôi, quản lý thức ăn chăn nuôi và sản xuất chăn nuôi để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

b) Công tác thú y: Tiêm phòng và vệ sinh thú y đầy đủ, hiệu quả để phòng chống các loại dịch bệnh ở vật nuôi; kiểm dịch, kiểm soát xuất nhập khẩu, phòng chống buôn lậu đối với gia súc, gia cầm và sản phẩm chăn nuôi; thanh tra, kiểm tra chặt chẽ công tác phòng chống dịch bệnh, vệ sinh thú y và quản lý công tác giết mổ, vận chuyển, chế biến sản phẩm gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh.

c) Công tác khuyến nông

- Phổ biến rộng rãi các giống mới, các tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi heo, gia cầm và bò.

- Xây dựng mô hình khuyến nông chăn nuôi theo hướng tái cơ cấu điển hình như: Chăn nuôi heo, bò, gia cầm trong cộng đồng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, chăn nuôi an toàn sinh học, VietGap,... nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai xây dựng mô hình chăn nuôi đặc trưng của địa phương gắn với chỉ dẫn địa lý, thương hiệu nhằm tăng giá trị sản phẩm.

- Xây dựng chương trình và triển khai mô hình khuyến nông về quản lý kinh doanh cho các hộ chăn nuôi, chủ trang trại tiếp cận về kỹ thuật, kỹ năng quản lý kinh doanh, tìm kiếm thị trường tiêu thụ và tiếp thị các sản phẩm chăn nuôi.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến nông để mỗi người thực sự là cầu nối giữa khoa học kỹ thuật và người chăn nuôi. Tăng cường tập huấn, đào tạo về kỹ thuật, quy trình chăn nuôi, thú y và lợi ích của chăn nuôi liên kết cho người chăn nuôi nhằm từng bước thay đổi tư duy chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ, tự phát hiệu quả kinh tế thấp.

- Thực hiện đào tạo nghề chăn nuôi gia súc, gia cầm, thú y theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Tổ chức lại sản xuất

Duy trì và đẩy mạnh phát triển các hình thức liên kết ngang và liên kết dọc trong chăn nuôi để phát triển nhanh, bền vững, tạo ra khối lượng sản phẩm chăn nuôi hàng hóa lớn.

a) Chăn nuôi heo: Có 02 hình thức tổ chức sản xuất chính là trang trại và nông hộ.

- Đối với chăn nuôi trang trại tiếp tục xây dựng, phát triển theo hướng tập trung, công nghiệp đúng quy hoạch; tăng số lượng và quy mô các trang trại liên kết với Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam và các doanh nghiệp khác theo chuỗi sản phẩm. Gắn kết các trang trại thành vùng chăn nuôi tập trung hàng hóa lớn, xây dựng chỉ dẫn địa lý, tạo thương hiệu sản phẩm để tăng giá trị, hướng đến xuất khẩu.

- Đối với chăn nuôi nông hộ, tổ chức phát triển theo hướng hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác chăn nuôi, cộng đồng làng xã chăn nuôi an toàn dịch bệnh, tạo ra sản phẩm lớn kết nối với giết mổ tại các cơ sở tập trung hoặc liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm.

- Hình thành mối liên kết vùng sản xuất chăn nuôi heo hàng hóa quy mô lớn ở các khu quy hoạch chăn nuôi tập trung trên địa bàn các huyện.

b) Chăn nuôi bò

- Phát triển theo hình thức trang trại, nông hộ nuôi nhốt, bán thâm canh, thâm canh; hình thành cộng đồng chăn nuôi bò thịt khép kín, phân khúc theo từng giai đoạn sinh trưởng, phát triển nhằm tạo ra lượng sản phẩm hàng hóa lớn, ổn định, xây dựng chỉ dẫn địa lý, kết nối thị trường tiêu thụ.

- Hỗ trợ hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác chăn nuôi bò thịt, bò vỗ béo khép kín theo chuỗi giá trị từ cung ứng con giống, quy trình kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm; thông qua hệ thống thương lái kết nối với thị trường lớn như: thành phố Cần Thơ, thành phố Hồ Chí Minh.

- Hình thành liên kết vùng trong sản xuất trong các khu quy hoạch chăn nuôi tập trung.

c) Chăn nuôi gia cầm: Có 02 hình thức tổ chức sản xuất chính là trang trại và hộ gia đình.

- Chăn nuôi gia cầm trang trại

+ Tăng số lượng và quy mô trang trại chăn nuôi gà thịt công nghiệp liên kết với doanh nghiệp; hỗ trợ xây dựng các trang trại chăn nuôi gà thả vườn liên kết với Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam và các doanh nghiệp khác tiêu thụ để nâng cao chuỗi giá trị sản xuất.

+ Phát triển các trang trại chăn nuôi vịt thịt, vịt trứng bán công nghiệp kết hợp với chăn thả có kiểm soát tại các vùng lợi thế, với quy mô trên 2.000 con/trang trại.

- Chăn nuôi gia cầm hộ gia đình: Khuyến khích phát triển gia trại chăn nuôi gà thả vườn... kết hợp trồng cây lâm nghiệp phân tán, cây ăn quả; hình thành liên kết vùng chăn nuôi gà ở các khu quy hoạch chăn nuôi tập trung tạo vùng sản xuất hàng hóa lớn, gắn với chỉ dẫn địa lý.

d) Chăn nuôi dê: Hình thức tổ chức sản xuất chủ đạo là chăn nuôi nông hộ, quy mô 20 - 30 con/hộ; hình thành liên kết vùng trong chăn nuôi ở các xã,

huyện có lợi thế. Khuyến khích thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác chăn nuôi dê theo chuỗi khép kín từ cung ứng giống đến kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm.

5. Giải pháp chính sách

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020 và Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ gieo tinh nhân tạo để nâng cao tầm vóc, chất lượng và tỷ lệ thịt xẻ, tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm chăn nuôi đặc trưng của tỉnh.

6. Giải pháp về thị trường

- Khuyến khích các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm đối với hình thức chăn nuôi liên kết; duy trì thị trường tiêu thụ trong tỉnh; xúc tiến thương mại, thông qua hệ thống thương lái tìm kiếm, kết nối thị trường tiềm năng.

- Xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm chăn nuôi đặc trưng Trà Vinh nhằm tăng giá trị sản phẩm tiếp cận với thị trường.

- Thông qua hội chợ, triển lãm, hội thảo, tham quan giúp người chăn nuôi quảng bá sản phẩm đến khách hàng, nắm bắt thông tin, kỹ thuật mới, mô hình sản xuất mới. Từ đó, chủ động điều chỉnh sản xuất, nâng cao chất lượng, sản lượng, giảm giá thành đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Quảng bá sản phẩm, cung cấp thông tin về giá, dịch bệnh, tình hình chăn nuôi trong và ngoài tỉnh thông qua trang Web của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Dự báo thị trường để các địa phương cũng như người chăn nuôi biết và định hướng trong sản xuất tránh (giảm) tình trạng sản phẩm không bán được hoặc bán giá thấp.

- Kiểm tra, khảo sát nguồn lực của các thương lái thu gom sản phẩm chăn nuôi để hỗ trợ vốn thương lái có khả năng bao tiêu sản phẩm người chăn nuôi.

- Trên cơ sở sản xuất tập trung, theo vùng tạo ra sản phẩm với số lượng lớn, ổn định, an toàn dịch bệnh. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cầu nối liên hệ với các công ty, xí nghiệp ký kết hợp đồng thu mua sản phẩm hoặc kêu gọi đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến trên địa bàn tỉnh.

7. Tư vấn kỹ thuật: Thành lập Tổ tư vấn kỹ thuật để hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời nhu cầu phát triển chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh cũng như cung cấp những chính sách của Trung ương và địa phương có liên quan, cụ thể:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Tổ tư vấn kỹ thuật cấp tỉnh, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện và Phòng Kinh tế thành phố thành lập Tổ tư vấn kỹ thuật cấp huyện để tiếp nhận thông tin tư vấn kỹ thuật hỗ trợ người chăn nuôi.

- Thông tin tiếp nhận và giải đáp qua thư, điện thoại, hộp thư thoại hoặc mạng thông tin của tỉnh hoặc của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

8. Hệ thống tổ chức quản lý nhà nước

- Kiện toàn tổ chức, tăng cường năng lực của các cơ quan, đơn vị chuyên môn để nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực chăn nuôi từ tỉnh đến cơ sở, củng cố đội ngũ cán bộ cấp xã (thú y, khuyến nông) thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp đúng theo quy định hiện hành.

- Củng cố, tăng cường năng lực của các cơ quan, đơn vị chức năng để thực hiện có hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về chất lượng vật tư đầu vào (giống, thức ăn, thuốc thú y...) và chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

IV. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN VÀ KÊU GỌI ĐẦU TƯ

1. Các dự án ưu tiên đầu tư

- Dự án xây dựng trại nghiên cứu, sản xuất giống vật nuôi cấp tỉnh, quy mô đầu tư (bò 50 con, heo 100 con, gia cầm 1.500 con), tổng vốn đầu tư khoảng 40 tỷ đồng.

- Đề án tổ chức đội ngũ nhân viên kỹ thuật chăn nuôi, thú y xã, phường, thị trấn, tổng vốn đầu tư khoảng 3,5 tỷ đồng/năm.

- Dự án đầu tư hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh đàn gia súc, gia cầm tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tổng vốn đầu tư khoảng 50 tỷ đồng.

2. Các dự án kêu gọi đầu tư

- Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi bò ở các khu Quy hoạch chăn nuôi tập trung, quy mô đầu tư trên 500 con/khu, tổng vốn đầu tư khoảng 30 tỷ đồng/khu, vốn đầu tư trong nước hoặc nước ngoài.

- Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi heo ở các khu Quy hoạch chăn nuôi tập trung, quy mô đầu tư từ 1.000 - 1.500 con/khu, tổng vốn đầu tư từ 30 - 50 tỷ đồng/khu.

- Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi dê ở các khu Quy hoạch chăn nuôi tập trung, quy mô đầu tư từ 500 con/khu, tổng vốn đầu tư khoảng 30 tỷ đồng/khu.

- Xây dựng nhà máy chế biến thịt gia súc (bò, heo), công suất 10.000 - 20.000 con/khu, tổng vốn đầu tư từ 150 - 200 tỷ đồng.

- Dự án xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, quy mô đầu tư 30.000 - 40.000 tấn/năm, tổng vốn đầu tư khoảng 250 tỷ đồng.

- Các dự án đầu tư giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh, quy mô bình quân 01 dự án giết mổ từ 200 - 400 con gia súc và từ 2.000 - 4.000 con gia cầm, tổng vốn đầu tư từ 07 - 10 tỷ đồng/dự án.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan xây dựng Chương trình công tác để triển khai thực hiện Kế hoạch đúng lộ trình, hiệu quả.

- Tổ chức tuyên truyền Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành chăn nuôi của tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các đơn vị có liên quan trực thuộc Sở theo chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; đồng thời, tuyên truyền, tập huấn và hướng dẫn người dân về quy trình kỹ thuật sản xuất, phòng chống dịch bệnh vật nuôi, xây dựng các mô hình phát triển chăn nuôi các sản phẩm chủ lực, phù hợp, tổng kết nhân rộng.

- Kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm, từng giai đoạn báo cáo kết quả thực hiện về Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Các Sở, Ban, ngành có liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Xây dựng Kế hoạch chi tiết và triển khai thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; đồng thời kêu gọi, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp, cá nhân đầu tư phát triển chăn nuôi trên địa bàn.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về giống, thức ăn và môi trường chăn nuôi, giết mổ, chế biến,...

- Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT;
- Cục Thú y;
- TT.TU, TT.HỖND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Báo, Đài PT&TH TV;
- Chi cục Thú y, TT KN - KN;
- Các PNC, TT. TH - CB;
- Lưu: VT, NN. *3/bản*

